

Biểu 01

DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 XÃ PỜ TỐ

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /9/2025 của UBND xã Pờ Tồ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm XD	Thông tin sơ bộ dự kiến về năng lực thiết kế công trình	Thời gian KC-HT	Khái toán về tổng mức đầu tư dự kiến	Dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2026-2030				Sự phù hợp với các quy hoạch được phê duyệt	Thuyết minh sự cần thiết phải đầu tư	Ghi chú
							Tổng số	Trong đó					
								NSTW	NS tỉnh	NS xã và ngân sách khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
30	TỔNG SỐ					2.058.900	2.058.900	1.827.000	132.000	99.900	-		
A	DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG VỐN NSTW HỖ TRỢ THEO MỤC TIÊU					1.827.000	1.827.000	1.827.000	-	-			
I	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030					1.827.000	1.827.000	1.827.000					
I.1	Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2026-2030					1.827.000	1.827.000	1.827.000	-	-			
1	Đường nối Quốc lộ Trường Sơn Đông với Tỉnh lộ 666, xã Pờ Tồ	C	Xã Pờ Tồ	- Thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi TCVN 4054-2005; Có mặt cắt ngang: Bnên=7,5m; Bmặt=5,5m; Kết cấu mặt đường bê tông xi măng, hệ thống thoát nước có chiều dài L=9.746m. Điểm đầu từ Km 58+800m tính lộ 666 xã Pờ tồ đi đến Km 387 đường Trường Sơn Đông	2026-2028	120.000	120.000	120.000			Phù hợp	- Hiện trạng: Đường đất nhỏ hẹp mặt đường rộng 3-4m, băng qua các khu sản xuất xã Phia tây xã Pờ Tồ và Chư Răng cũ. - Thực hiện theo quy hoạch NTM của xã đã được phê duyệt. Tuyến đường sau khi được đầu tư sẽ tạo thành tuyến giao thông huyết mạch giảm tải cho đường quốc lộ Trường Sơn Đông. Tạo động lực phát triển kinh tế - Xã hội của xã.	Dự án đã có trong KH ĐTC dự kiến giai đoạn 2026-2030; Nghị quyết số 442/NQ-HĐND 11/12/2024. Tuyến 1 từ xã Pờ Tồ cũ đi xã Chư Răng cũ L=9.746m. (Tuyến 2 nằm xã Ia Tul nên không thuộc phạm vi đăng ký)
2	Hệ thống các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn xã Pờ Tồ	C	Xã Pờ Tồ	Tổng chiều dà các tuyến khoản: L=12,1km; Gồm: + Đường BTXM thôn 5 đi khu sản xuất thôn Bì Gia (Đoạn QL Trường Sơn Đông đi thôn Bì Gia); L=3,4km; đường cấp IV miền núi, nền đường Bn=7,5m, mặt đường BTXM Bm=5,5m; (Đặt mới công hộp 3H300, L=8,0m, liên hợp tràn, Ltr=50m). + Đường tràn liên hợp từ thôn 4 đi thôn Bì Gia; L=4,2km; (đoạn tỉnh lộ 666 đi thôn Bì Gia), xã Pờ Tồ; (Đặt mới công hộp 3H300, L=8,0m, liên hợp tràn, Ltr=70m). + Đường tràn kết hợp đường BTXM từ thôn 3 đi khu sản xuất thôn 5; L= 4,5km; Quy mô đường GTNT cấp A, nền đường Bn=6,5m, mặt đường BTXM đã 2x4 M300 dày 20cm, Bm=3,5m; Hoàn thiện hệ thống thoát nước và hệ thống ATGT; (Đặt mới công hộp 4H300, L=8,0m, liên hợp tràn, Ltr=100m).	2026-2028	57.000	57.000	57.000			Phù hợp	- Đường BTXM thôn 5 đi khu sản xuất thôn Bì Gia; Hiện trạng là tuyến đường mòn đất bề rộng từ 3-4m; tuyến đường đi qua suối Đăk Hreo, mùa mưa nước lớn không thể đi lại. Đầu tư kết nối các khu sản xuất thôn Bì Gia, rút ngắn khoản cách vận chuyển hàng hóa cho bà con nhân dân đi đến tuyến Quốc lộ 662. '- Đường tràn liên hợp từ thôn 4 đi thôn Bì Gia (đoạn tỉnh lộ 666 đi thôn Bì Gia), xã Pờ Tồ; - Hiện trạng đầu đường đã đầu tư BTXM khoản 800m; qua ngầm tràn suối Đăk Pờ Tồ đi và Thôn Bì Gia; Phía sau ngầm tràn chưa được đầu tư BTXM vào mùa mưa nước lớn người dân không thể đi lại vận chuyển hàng hóa rất khó khăn. '- Đường tràn kết hợp đường BTXM từ thôn 3 đi khu sản xuất thôn 5; Hiện trạng là đường đất cấp phối, rộng 6m; Tuyến đường và khu sản xuất quy hoạch mới kết nối kế nối cánh đồng khu sản xuất thôn 5; Hoàn thiện tiêu chí số 2 giao thông. - Giải quyết kiến nghị cư trí đi phương lâu năm	Dự án đã có trong KH ĐTC dự kiến giai đoạn 2026-2030; Nghị quyết số 442/NQ-HĐND 11/12/2024
3	Hồ Đăk Pờ Tồ	B	Xã Kon Chiêng và Pờ Tồ	3.200 (ha)	2026-2030	1.600.000	1.600.000	1.600.000			Phù hợp	Khu vực xã Kong Chiến và xã Pờ Tồ có diện tích canh tác rộng lớn, có tiềm năng phát triển kinh tế nông nghiệp. Tuy nhiên, phần lớn diện tích canh tác hiện nay chưa có nguồn nước tưới chủ động, phụ thuộc chủ yếu vào nước mưa. Việc đầu tư xây dựng công trình hồ chứa nước Đăk Pơ Tồ là cần thiết, nhằm đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất và phát triển kinh tế - xã hội cho khu vực, đồng thời giảm thiểu tối đa việc khai thác, sử dụng nước ngầm trong khu vực.	UBND tỉnh Gia Lai trình gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/9/2025
4	Kè chống sạt lở suối Đăk Pờ Tồ	C	xã Pờ Tồ	Xây kè kiên cố để ổn định bờ, chống sạt lở; Tổng chiều dài 1.000m	2026-2030	50.000	50.000	50.000			Phù hợp	Xây dựng kè để bảo vệ Mô cầu Kiểc trên đường Trường Sơn Đông và các hộ dân sinh sống lân cận.	
B	DỰ ÁN KHÔNG SỬ DỤNG VỐN NSTW HỖ TRỢ THEO MỤC TIÊU, CÓ SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TỈNH					132.000	132.000	-	132.000	-			
I	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030					132.000	132.000	-	132.000	-			
I.1	Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2026-2030					132.000	132.000	-	132.000	-			

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm XD	Thông tin sơ bộ dự kiến về năng lực thiết kế công trình	Thời gian KC-HT	Khái toán về tổng mức đầu tư dự kiến	Dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2026-2030				Sự phù hợp với các quy hoạch được phê duyệt	Thuyết minh sự cần thiết phải đầu tư	Ghi chú
							Tổng số	Trong đó					
								NSTW	NS tỉnh	NS xã và ngân sách khác			
1	Nhà làm việc Đảng ủy xã và Mặt trận TQVN, xã Pờ Tô	C	Thôn 3, xã Pờ Tô	- Công trình dân dụng cấp III - Xây mới trụ sở làm việc Đảng ủy, 3 tầng, DTXD=600m2, DTS=1.588m2; - Xây mới trụ sở làm việc MTTQ VN xã, 2 tầng, DTXD=450m2, DTS=870m2; - Trang thiết bị và hạng mục phụ + Hệ thống PCCC	2026-2028	40.000	40.000		40.000		Phù hợp	Hiện trạng: Đảng ủy xã và Mặt trận các đoàn thể xã làm việc trụ sở xã Chư Răng cũ cách UBND xã Pờ Tô 5km; trụ sở nhiều hạng mục xuống cấp; công tác lãnh chỉ đạo còn khó khăn. Xây dựng mới trụ sở làm việc Đảng ủy, MTTQ VN xã tập trung về khu trung tâm QQLHC xã, đáp ứng nhu cầu làm việc cho cán bộ, công chức cấp xã. Thuận lợi cho công việc phối hợp thực hiện các nhiệm vụ chính trị của xã.	
2	Đường liên thôn từ Thôn Bình Tây đi Thôn Bình Hòa, xã Pờ Tô	C	Xã Pờ Tô	Chiều dài khoản L= 2.628m Có mặt cắt ngang: Bmặt=7,5m; Bmặt=5,5m; Kết cấu mặt đường bê tông xi măng và công trình thoát nước; hoàn thiện hệ thống ATGT.	2026-2028	30.000	30.000		30.000		Phù hợp	Hiện trạng chưa chưa có đường mòn, đất quy hoạch làm đường là đất 5% của xã. Đầu tư theo quy hoạch Nông thôn mới để tạo không gian phát triển thu hút dân cư đến sinh sống làm việc dọc tuyến quốc lộ Trường Sơn đồng (đoạn xã Chư Răng cũ); Hoàn thiện tiêu chí số 2 giao thông.	
3	Trụ sở nhà làm việc UBND xã Pờ Tô (khỏi nhà làm việc UBND xã và nhà làm việc các phòng chuyên môn)	C	Thôn 3	Công trình cấp III; Xây mới 01 nhà làm việc 2 tầng, trang thiết bị và hạng mục phụ + Hệ thống PCCC	2026-2028	8.000	8.000		8.000		Phù hợp	Hiện trạng khối nhà làm việc Trụ sở đang xuống cấp; Nhà làm việc phòng ban và chuyên viên xây dựng năm 2023, diện tích hẹp, cũ kỹ, chưa đáp ứng công năng sử dụng. Xây dựng mới trụ sở làm việc cho các phòng ban chuyên môn, đáp ứng nhu cầu làm việc cho cán bộ, công chức cấp xã. Thuận lợi cho công việc phối hợp thực hiện các nhiệm vụ chính trị của xã.	
4	Tuyến đường vào thôn Bì Giông xã Pờ Tô (Đoạn ngầm tràn từ tỉnh lộ 666 đi thôn Bì Giông)	C	Thôn Bì Giông	Thiết kế công hợp kích thước 5x(3x3), chiều dài L=8m và đường vào 2 đầu công khoảng L=0,2km; tải trọng thiết kế HL-93. Hoàn thiện hệ thống thoát nước và hệ thống ATGT	2026-2028	7.500	7.500,0		7.500,0		Phù hợp	- Đây là tuyến đường độc đạo đi vào 02 thôn Bì Giông và Bì Gia xã Pờ Tô với 420 hộ dân, 2.055 khẩu. Hiện tại về mùa mưa lũ thường bị chia cắt do công thoát nước nhỏ không tiêu thoát nước kịp thời. Dẫn đến ngập sâu, hư hại phần hạ lưu công, và mặt đường chia cắt hoàn toàn 02 thôn khi mưa lớn. Vì vậy việc đầu tư mở rộng là rất cấp bách. - Giải quyết kiến nghị cứ từ nhiều năm trên địa bàn xã	Sơ Xây dựng phối hợp với các sở tài chính; Sở NN và MT; Chi cục thủy lợi và UBND xã kiểm tra có biến bản ngày 5/9/2025 và đề xuất giải pháp thực hiện.
5	Tuyến đường từ Thôn Bì Gia ra khu sản xuất xã Pờ Tô (Đoạn vị trí đường tràn)	C	Thôn Bì Gia	Thiết kế công hợp kích thước 3x(3x2), chiều dài L=8m và đường vào 2 đầu công khoảng L=0,2km; tải trọng thiết kế HL-93. Hoàn thiện hệ thống thoát nước và hệ thống ATGT	2026-2028	5.500	5.500		5.500		Phù hợp	Nếu không được nâng cấp kịp thời thì vào mùa mưa sẽ gây ngập úng thường xuyên cho 18 hộ dân nơi đây. Ảnh hưởng rất lớn đến kinh tế, đời sống và tâm lý của người dân.	Sơ Xây dựng phối hợp với các sở tài chính; Sở NN và MT; Chi cục thủy lợi và UBND xã kiểm tra có biến bản ngày 5/9/2025 và đề xuất giải pháp thực hiện.
6	Nhà làm việc Công an xã Pờ Tô	C	Thôn Bình Tây, xã Pờ Tô	Diện tích sản đề xuất xây dựng nhà làm việc của công an (vị trí cơ sở 1 cạnh UBND xã Chư Răng cũ): 2.460m2 và các hạng mục phụ (Theo mô hình thiết kế mẫu)	2026-2028	14.000	14.000,0		14.000		Phù hợp	Công an xã đang làm việc 2 trụ sở xã cũ (diện tích 2 trụ sở: 260m2); Biến không đáp ứng được diện tích sử dụng trên sở biến chế hiện giao; Hiện tại đang có mặt 26 biến chế; Diện tích yêu cầu tối thiểu 1ha theo CV 1371/CTH-PH10 ngày 8/8/2025	
7	Nhà làm việc ban CHQS xã Pờ Tô	C	Thôn Bình Tây, xã Pờ Tô	Diện tích sản xây dựng khoảng: 1.342 m2 (2 tầng) và các hạng mục phụ (Theo mô hình thiết kế mẫu)	2026-2028	7.500	7.500,0		7.500		Phù hợp	Ban CHQS đang làm việc tại nhà 1 của xã Chư Răng cũ chưa đáp ứng yêu cầu công năng sử dụng.	
8	Đường khu sản xuất (Đoạn từ thao trường đến thôn PleiDu), xã Pờ Tô	C	Xã Pờ Tô	Chiều dài tuyến khoảng L=5,0km; Quy mô đường GTNT cấp A, nền đường Bn=6,5m, mặt đường BTXM đá 2x4 M300 dày 20cm, Bm=3,5m; Hoàn thiện hệ thống thoát nước và hệ thống ATGT (Đặt mới công hợp 4H300, L=8,0m, liên hợp tràn, Ltr=100m).	2028-2030	19.500	19.500		19.500		Phù hợp	- Hiện trạng đường đất cấp phối, mặt đường nhỏ hẹp 2-4m; - Tuyến đường và khu sản xuất quy hoạch mới kết nối các xã Chư Răng, Pờ Tô; phục vụ sự đi lại của người dân và lưu thông hàng hóa trong xã; kết nối và lưu thông hàng hóa tới các trang trại, ruộng đồng, nương rẫy, cơ sở sản xuất, chăn nuôi.	
C	DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN PHÂN CẤP CHO XÃ ĐẦU TƯ				-	99.900,0	99.900,0	-	-	99.900,0			
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030					99.900,0	99.900,0	-	-	99.900,0			
I	Các hoạt động kinh tế					52.000,0	52.000,0	-	-	52.000,0			
1	Đường nội đồng thôn Bình Hoà (Đoạn từ Đường Trường Sơn Đồng đến đất rẫy ông Dũng Thu), xã Pờ Tô	C	Thôn Bình Hòa	Chiều dài tuyến khoảng L=1,5km; Quy mô đường GTNT cấp A, nền đường Bn=6,5m, mặt đường BTXM đá 2x4 M300 dày 20cm, Bm=3,5m; Hoàn thiện hệ thống thoát nước và hệ thống ATGT (Đặt mới công hợp 3H300, L=8,0m, liên hợp tràn, Ltr=50m).	2026-2028	3.500	3.500,0			3.500,0	Phù hợp	Hiện trạng là đường mòn đất mặt đường khoảng 2,5-4m, duy chuyển rất khó khăn; Đầu tư đường quy hoạch ra khu sản xuất, phục vụ đi lại, vận chuyển nông sản cho nhân dân; phát triển KT-XH	
2	Đường trục chính nội đồng thôn 2, xã Pờ Tô	C	Thôn 2	Chiều dài tuyến khoảng L=1,2km; Quy mô đường GTNT cấp B, nền đường Bn=5,5m, mặt đường BTXM đá 2x4 M300 dày 20cm, Bm=3,5m; Hoàn thiện hệ thống thoát nước và hệ thống ATGT	2027-2029	4.000	4.000,0			4.000,0	Phù hợp	Hiện trạng nền đường cấp phối, nhiều vị trí trũng thấp, ô gà ổ voi. Tạo điều kiện thuận lợi cho bà con nhân vận chuyển nông sản (Cạnh nương nước của HTX Đại Đồng)	

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm XD	Thông tin sơ bộ dự kiến về năng lực thiết kế công trình	Thời gian KC-HT	Khái toán về tổng mức đầu tư dự kiến	Dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2026-2030			Sự phù hợp với các quy hoạch được phê duyệt	Thuyết minh sự cần thiết phải đầu tư	Ghi chú	
							Tổng số	Trong đó					
								NSTW	NS tỉnh				NS xã và ngân sách khác
3	Đầu tư, nâng cấp kênh mương nội đồng thôn Bình Tây, xã Pò Tô	C	Thôn Bình Tây	Đầu tư mới và sửa chữa kênh mương nội đồng thôn Bình Tây Chiều dài L=2km	2028-2030	2.500	2.500,0			2.500,0	Phù hợp	- Đã có kênh tưới đắp đất và dẫn nước dưới ruộng lúa để tưới. - Giúp tăng hiệu quả tưới tiêu, giảm thất thoát nước và xói mòn, từ đó nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất nông nghiệp bền vững, nâng cao đời sống của người dân và xây dựng nông thôn mới.	
4	Đầu tư, nâng cấp kênh mương nội đồng thôn Bình Hòa, xã Pò Tô	C	Thôn Bình Hòa	Đầu tư mới và sửa chữa kênh mương nội đồng thôn Bình Hòa; Chiều dài L=1,2km	2028-2030	1.500	1.500,0			1.500,0	Phù hợp	- Đã có kênh tưới đắp đất và dẫn nước dưới ruộng lúa để tưới. - Giúp tăng hiệu quả tưới tiêu, giảm thất thoát nước và xói mòn, từ đó nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất nông nghiệp	
5	Đường BTXM thôn Bi Giồng (đoạn từ rẫy ông Nhặt đến đường tỉnh lộ 666), xã Pò Tô	C	Thôn Bi Giồng	Chiều dài tuyến khoảng L=1,7km; Quy mô đường GTNT cấp A, nền đường Bn=6,5m, mặt đường BTXM đá 2x4 M300 dày 20cm, Bm=3,5m; Hoàn thiện hệ thống thoát nước và hệ thống ATGT (Đặt mới công hộp 1H300, L=7,0m).	2027-2029	7.000	7.000,0			7.000,0	Phù hợp	Hiện trạng nền đường đất cấp phối. Tuyến đường này kết nối khu sản xuất với DT 666, phục vụ nhu cầu vận chuyển nông sản của người dân. Hiện trạng tuyến đường này là đường đất gây khó khăn cho người dân vận chuyển hàng hóa trong mùa mưa.	
6	Đường BTXM kết hợp đường tràn ra khu sản xuất thôn Bi Giồng, (đoạn từ làng Phong, Bi Giồng đi tỉnh lộ 666), xã Pò Tô	C	Thôn Bi Giồng	Chiều dài tuyến khoảng L=1,7km; Quy mô đường cấp IV miền núi, nền đường Bn=7,5m, mặt đường BTXM Bm=5,5m; Hoàn thiện hệ thống thoát nước và hệ thống ATGT (Đặt mới công hộp 3H300x300, L=8,0m)	2028-2030	9.500	9.500,0			9.500,0	Phù hợp	- Hiện trạng là tuyến đường mòn rộng 3m đoạn qua lòng suối chưa có tràn, không thể đi lại vận chuyển hàng hóa, khi mùa mưa nước lớn. Tạo điều kiện thuận lợi cho bà con nhân dân đi lại, vận chuyển nông sản	
7	Đường vào khu sản xuất thôn 3, xã Pò Tô	C	Thôn 3	Chiều dài tuyến khoảng L=4,4km; Quy mô đường cấp IV miền núi, nền đường Bn=7,5m, mặt đường BTXM Bm=5,5m; Hoàn thiện hệ thống thoát nước và hệ thống ATGT	2027-2029	24.000	24.000,0			24.000,0	Phù hợp	- Hiện trạng đường mòn đất cấp phối nhỏ hẹp đi ra khu cánh đồng thôn 3. Tạo điều kiện thuận lợi cho bà con nhân dân đi lại, vận chuyển nông sản	
II	Hoạt động cơ quản lý lý nhà nước					3.000,0	3.000,0	-	-	3.000,0			
1	Mở rộng hội trường nhà văn hóa UBND xã Pò Tô.	C	Xã Pò Tô	Mở rộng quy mô hội trường từ 120-150 chỗ ngồi lên thành 230-250 chỗ ngồi; và các hạng mục phụ, hệ thống PCCC	2026-2030	3.000	3.000,0			3.000,0	Phù hợp	Hiện trạng nhà văn hóa xã: Diện tích xây dựng, S=291,2m2; Quy mô 120-150 chỗ ngồi; Hiện không đáp ứng được nhu cầu cho các hội nghị lễ lớn của xã, vì vậy cần thiết để mở rộng đáp ứng được các quy mô của xã trong thời gian đến.	
III	Quy hoạch					1.400,0	1.400,0	-	-	1.400,0			
1	Quy hoạch Cụm Công nghiệp thôn 5 xã Pò Tô	C	Thôn 5	Quy hoạch chi tiết 1/500 cụm công nghiệp xã Pò Tô, diện tích 75ha	2026-2030	1.400	1.400,0			1.400,0	Phù hợp	Đã quy hoạch cụm công nghiệp 75ha; nhưng chưa có quy hoạch chi tiết để kêu gọi đầu tư. Quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp, thu hút đầu tư phát triển KT-XH xã, kêu gọi đầu tư phát triển công nghiệp xã	
IV	Xã hội					2.000	2.000,0			2.000,0			
1	Nhà tưởng niệm liệt sĩ xã Pò Tô	C	Thôn 4	Nhà tưởng niệm liệt sĩ xã Pò Tô	2026-2028	2.000	2.000,0			2.000,0	Phù hợp	- Di dời nhà tưởng niệm tại thôn 3 sang xã 3 Klểc cũ, thôn 4 - Xây mới tại thôn 4; Mục đích chính của việc xây dựng nhà tưởng niệm liệt sĩ là để ghi nhớ, tri ân công lao to lớn của các anh hùng liệt sĩ đã hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc và giáo dục truyền thống yêu nước, đạo lý "uống nước nhớ nguồn" cho các thế hệ mai sau	
V	Giáo dục và đào tạo					41.500,0	41.500,0	-	-	41.500,0			
1	Trường THCS Lương Thế Vinh	C	Thôn 3	Công trình cấp III: gồm: - Xây mới 04 phòng học bộ môn: (KHTN, Công nghệ, Âm nhạc, Mỹ Thuật) và 01 phòng Giáo dục Thiết bị; 01 Thư viện 60m2. Hệ thống PCCC. - Nhà bảo vệ, mở rộng nhà xe học sinh. - Xây mới 1 nhà vệ sinh cho giáo viên;	2026-2028	5.000	5.000,0			5.000,0	Phù hợp	Hiện trạng: Khối phòng HC- QT đang sử dụng những phòng tạm, diện tích nhỏ chưa đáp ứng với tiêu chuẩn tại thông tư hướng dẫn; Khối học tập: Nhà trường có 9 phòng học khu 2 tầng, đã sử dụng 7 phòng để giảng dạy, còn bố trí 01 phòng tin học và các phòng bộ môn đang được tân dụng để làm phòng học; và bố trí 01 phòng để TBDH môn Công nghệ, KHTN. Hiện tại nhà trường còn 01 khu bán trú không sử dụng từ năm 2011, đang lập tờ trình xin hoàn đổi thành các phòng hiệu bộ (HC-QT); TBDH đã xuống cấp, cần bổ sung TBDH cho chương trình GDPT năm 2018 Đầu tư các hạng mục còn thiếu của trường để cơ bản đảm bảo Tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT có hiệu lực từ ngày 31/01/2025	

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm XD	Thông tin sơ bộ dự kiến về năng lực thiết kế công trình	Thời gian KC-HT	Khái toán về tổng mức đầu tư dự kiến	Dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2026-2030				Sự phù hợp với các quy hoạch được phê duyệt	Thuyết minh sự cần thiết phải đầu tư	Ghi chú
							Tổng số	Trong đó					
								NSTW	NS tỉnh	NS xã và ngân sách khác			
2	Trường TH Lý Thường Kiệt	C	Thôn 2	Công trình cấp III - Xây mới Nhà học bộ môn 4 phòng + thiết bị + Hệ thống PCCC gồm: 01 phòng KH-CN; 01 phòng đa chức năng; 01 thư viện; 01 phòng TBGD; - Xây mới 01 phòng tư vấn học đường; 01 phòng truyền thống; 01 phòng Đội TN-TP; 01 phòng Y tế; 01 nhà kho; 1 nhà vệ sinh giáo viên; - Cổng, hàng rào bao quanh khoản L= 210m	2026-2028	6.000	6.000,0			6.000,0	Phù hợp	Hiện trạng: Diện tích đất: 1,45ha; Trường có 11 phòng học và 2 phòng học bộ môn; 1 nhà vệ sinh cho giáo viên và học sinh. Sân bên tổng 186m2; hàng rào kẽm gai hư hỏng đầu tư năm 2002. còn thiếu các hạng mục đang đề xuất để trường cơ bản đạt chuẩn CSVC mức độ 1. Đầu tư các hạng mục còn thiếu của trường để cơ bản đảm bảo Tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 theo Thông tư 13/2020/TT-BGDDT và Thông tư 23/2024/TT- BGDDT có hiệu lực từ ngày 31/01/2025	
3	Trường TH&THCS Đinh Núp	C	Thôn Bì Giông	Công trình cấp III - Xây mới Nhà học + thiết bị + Hệ thống PCCC gồm: 04 phòng học tại khu trung tâm: gồm: 01 phòng đa chức năng; 01 thư viện 60m2; 01 phòng tư vấn học đường 24m2; 01 phòng Y tế 24m2; 01 phòng AM, MT 60m2; 01 nhà kho 48m2; 01 phòng nhân viên 48m2; 01 phòng bảo vệ; 01 phòng Đoàn - Đội kết hợp phòng truyền thống 54m2. Mở rộng mái vòm khu trung tâm 300m2; - Xây dựng Nhà vệ sinh học sinh khu lè Bì Giông; - Sửa chữa đầy phòng học 2 tầng xuống cấp tại khu trung tâm; - Xây dựng nhà xe học sinh khu trung tâm .	2027-2029	8.000	8.000,0			8.000,0	Phù hợp	Hiện trạng: 10 phòng học; và 4 phòng bộ môn; khối hành chính 4 phòng; 1 khu vệ sinh; 1 nhà xe cho giáo viên; nhà xe học sinh và các hạng mục phụ; Trường đầu tư thêm 4 phòng học để đưa hs khu lè ra trung tâm và tách các lớp đồng. Cần đầu tư các hạng mục còn thiếu của trường để hoàn thiện tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 theo Thông tư 13/2020/TT-BGDDT và Thông tư 23/2024/TT- BGDDT có hiệu lực từ ngày 31/01/2025	
4	Trường TH Lê Văn Tám		Thôn 4	Công trình cấp III Xây mới Nhà học + thiết bị + Hệ thống PCCC gồm: 01 phòng KH-CN; 01 thư viện; 01 phòng TBGD; 01 phòng tư vấn học đường; 01 phòng truyền thống và hoạt động Đội TN-TP 60m; 01 phòng Y tế; 01 phòng bảo vệ; - 04 phòng nhà vệ sinh khu Trung tâm; - Sửa chữa nhà vệ sinh học sinh điểm trường thôn 5, mái che 300m để dạy TD, - Hàng rào 310m khu chính.	2027-2029	5.000	5.000,0			5.000,0	Phù hợp	Hiện trạng: Trường có 15 phòng học và 5 phòng học bộ môn; 1 khối nhà vệ sinh học sinh 4 phòng và 1 nhà vệ sinh giáo viên; 1 nhà xe giáo viên và 1 nhà xe học sinh. Đầu tư các hạng mục còn thiếu của trường để cơ bản đảm bảo Tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 theo Thông tư 13/2020/TT-BGDDT và Thông tư 23/2024/TT- BGDDT có hiệu lực từ ngày 31/01/2025	
5	Trường TH Võ Thị Sáu	C	Thôn Bình Hòa	Công trình cấp III Xây mới Nhà học + Hệ thống PCCC gồm: 02 phòng học bộ môn: 01 phòng KH-CN; 01 phòng đa chức năng; 01 phòng tư vấn học đường 24m2; 01 phòng truyền thống 24m2; 01 phòng Đội TN-TP 48m2; 01 nhà kho 24m2. - Xây dựng hàng rào	2027-2029	3.000	3.000,0			3.000,0	Phù hợp	Hiện trạng: Trường có 22 phòng học; 4 phòng học bộ môn Đầu tư các hạng mục còn thiếu của trường để cơ bản đảm bảo Tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 theo Thông tư 13/2020/TT-BGDDT và Thông tư 23/2024/TT- BGDDT có hiệu lực từ ngày 31/01/2025	
6	Trường MG Hoa Po Lang	C	Thôn Bình Tây	Công trình cấp III - Xây mới Nhà học + thiết bị + Hệ thống PCCC gồm: 02 phòng học; Khu GDTC - Hệ thống thoát nước (trung tâm); Nâng cấp, lát gạch hoa nền sân khu trung tâm. - Hàng rào điểm trường Voong Boong;	2026-2028	3.000	3.000,0			3.000,0	Phù hợp	Hiện trạng: Có 8 phòng học. Phòng hiệu bộ gồm 01 phòng y tế. 01 phòng hiệu trưởng. 1 phòng hiệu phó. 1 phòng hội đồng. 01 phòng vệ sinh nam nữ. Nhà xe 1. Bếp ăn 1. Phòng Bv 1. Sân bóng tổng 3. Phòng nghệ thuật 1. Hàng rào 1. Cổng trường rào trung tâm 1/2 còn 1/2 diện tích chưa có. Đầu tư các hạng mục còn thiếu của trường để cơ bản đảm bảo Tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 theo Thông tư 13/2020/TT-BGDDT và Thông tư 23/2024/TT- BGDDT có hiệu lực từ ngày 31/01/2025	
7	Trường MG Sơn Ca	C	Thôn 3	Công trình cấp III Xây mới Nhà học + thiết bị + Hệ thống PCCC gồm: 05 phòng học (trung tâm); 01 phòng GDTC; 01 kho bếp; 01 phòng họp; 01 nhà kho; Hàng rào trường trung tâm và điểm thôn 1;	2026-2028	6.500	6.500,0			6.500,0	Phù hợp	Hiện trạng toàn trường có: Phòng học 17 phòng (xuống cấp, hư hỏng không đảm bảo là 5 phòng); Khu hiệu bộ xây dựng 2015 (sửa chữa 2024) đến nay xuống móng nặng. - Nhà công vụ gv gồm 5 phòng xây dựng 2006 đang xuống cấp, hư hỏng (thôn 4) - Nhà để xe xây dựng 2020. 5: Tường rào khu trung tâm và 5 điểm lẻ được xây dựng (hiện nay thôn 1 đang hư hỏng, khu trung tâm chưa được xây chuẩn đang ghi nợ chuẩn năm 2020). * Đầu tư các hạng mục còn thiếu của trường để cơ bản đảm bảo Tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 theo Thông tư 13/2020/TT-BGDDT và Thông tư 23/2024/TT- BGDDT có hiệu lực từ ngày 31/01/2025	

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm XD	Thông tin sơ bộ dự kiến về năng lực thiết kế công trình	Thời gian KC-HT	Khái toán về tổng mức đầu tư dự kiến	Dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2026-2030				Sự phù hợp với các quy hoạch được phê duyệt	Thuyết minh sự cần thiết phải đầu tư	Ghi chú
							Tổng số	Trong đó					
								NSTW	NS tỉnh	NS xã và ngân sách khác			
8	Trường THCS Phan Đình Phùng	C	Thôn Bình Hòa	Công trình cấp III; Xây mới nhà đa năng 01 nhà bảo vệ; Hệ thống PCCC	2027-2030	5.000	5.000,0			5.000,0	Phù hợp	* Hiện trạng: Trường có 9 phòng học; 07 phòng bộ môn; 04 phòng hiệu bộ; 03 phòng công vụ; 01 phòng thiết bị; 1 phòng y tế; 1 phòng tư vấn học đường; 1 nhà xe học sinh; hàng rào dài 50 mét; sân bê tông 150 mét vuông. Chưa có nhà đa năng; nhà bảo vệ. * Đầu tư các hạng mục còn thiếu của trường để cơ bản đảm bảo Tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 theo Thông tư 13/2020/TT-BGDDT và Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT có hiệu lực từ ngày 31/01/2025	

Ghi chú: Quy mô và tổng mức đầu tư chính thức sẽ được lập ở bước lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.